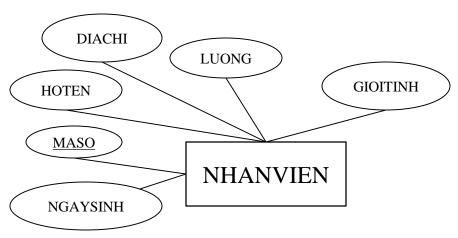
Chuyển lược đồ E/R sang mô hình quan hệ

- 3.1 Loại thực thế
- 3.2 Mối kết hợp
- 3.3 Thực thể yếu

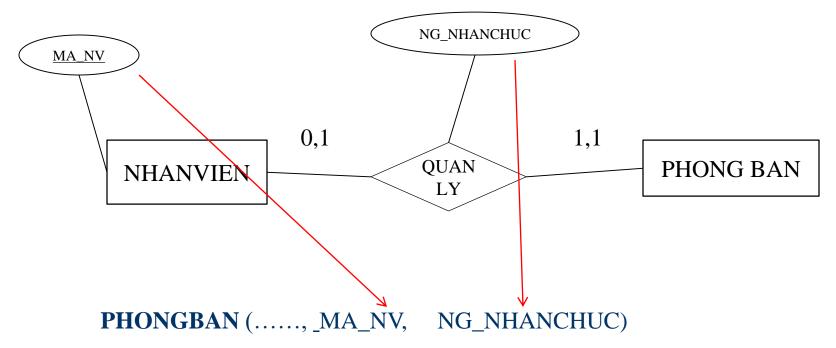
Loại thực thế

 Các loại thực thể chuyển thành các quan hệ có cùng tên và tập thuộc tính

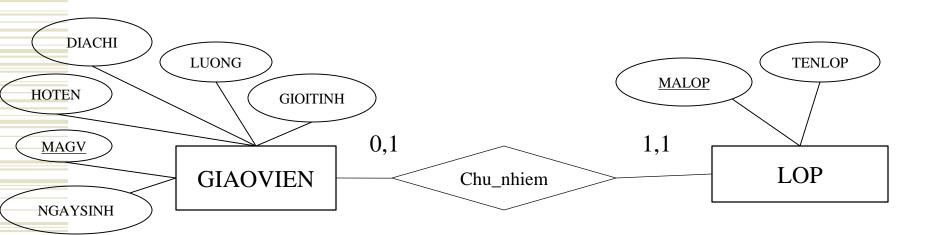


NHANVIEN (MASO, HOTEN, DIACHI, NGAYSINH, LUONG, GIOITINH)

 Mối kết hợp một-một (1-1): chuyển khóa từ quan hệ này sang quan hệ kia



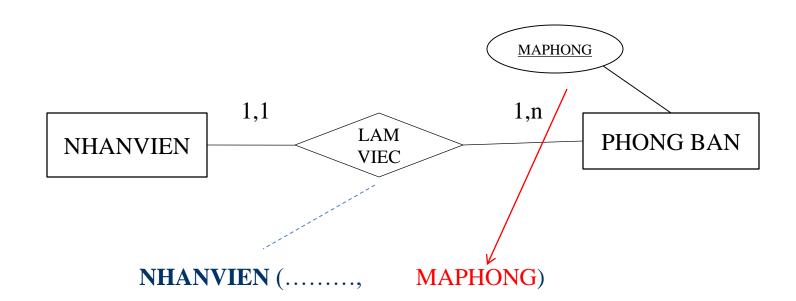
Chuyển mô hình sau sang lược đồ quan hệ:



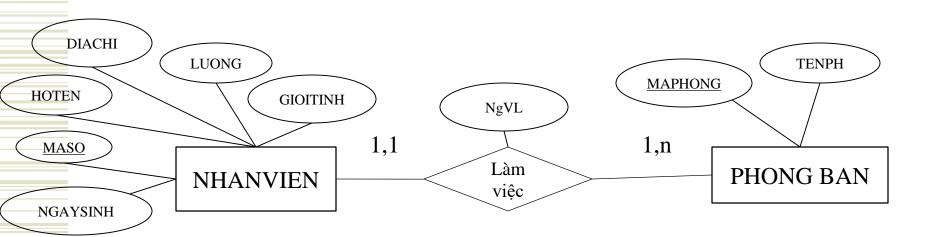
GIAOVIEN (MAGV, HOTEN, DIACHI, NGAYSINH, LUONG, GIOITINH)

LOP (MALOP, TENLOP, MAGV)

 Mối kết hợp một-nhiều (1-n): thêm vào quanhệ-một khóa chính của quan-hệ-nhiều



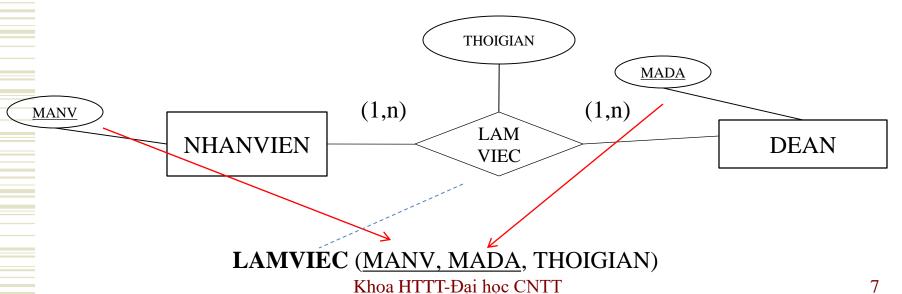
Chuyển mô hình sau sang lược đồ quan hệ:

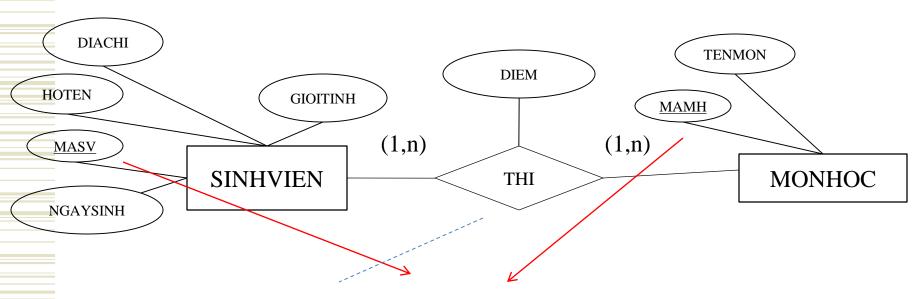


VHANVIEN (<u>MASO</u>, HOTEN, DIACHI, NGAYSINH, LUONG, GIOITINH, NgVL, MAPHONG)

PHONGBAN (MAPHONG, TENPH)

- Mối kết hợp nhiều nhiều (n-n)
 - Tạo quan hệ mới có tên là tên của mối kết hợp.
 - Thuộc tính của quan hệ mới là thuộc tính của mối kết hợp và khóa chính của các loại thực thể thành phần





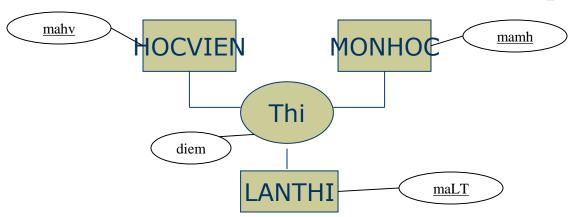
SINHVIEN (MASV, HOTEN, DIACHI, NGAYSINH, GIOITINH)

MONHOC(MAMH, TENMON)

THI (MASV, MAMH, DIEM)

Mối kết hợp N-phân (bậc N)

- Đối loại mối kết hợp N-phân R:
 - Tạo một quan hệ mới S
 - Thuộc tính của S chính là thuộc tính của mối kết hợp và các khóa chính của các thực thể thành phần.



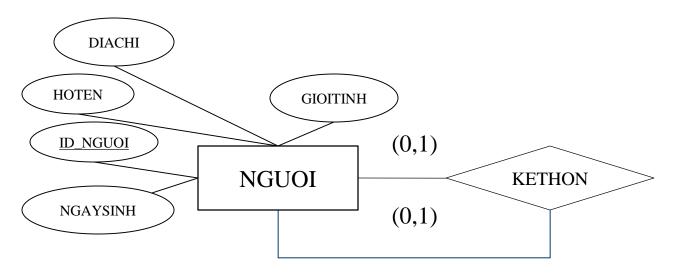
THI (Mahv, Mamh, MaLT, diem)

Mối kết hợp đệ quy (bậc 1)

• Được thực hiện tương tự như đối với việc chuyển đổi mối quan hệ nhị nguyên 1-1, 1-n, n-n.

Mối kết hợp đệ quy (bậc 1)

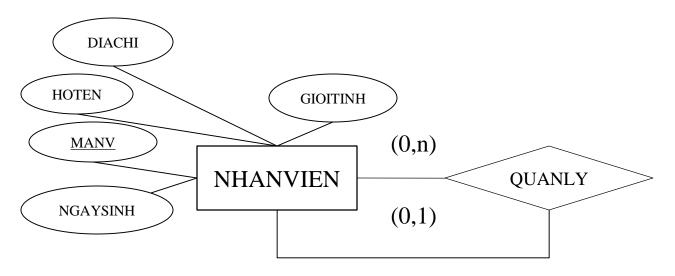
◆ Ví dụ: xét mối quan hệ phản xạ 1-1



NGUOI (ID_NGUOI, HOTEN, NGAYSINH, DIACHI, GIOITINH, ID_NGUOI_KETHON)

Mối kết hợp đệ quy (bậc 1)

◆ Ví dụ: xét mối quan hệ phản xạ 1-n



NHANVIEN (MANV, HOTEN, NGAYSINH, DIACHI, GIOITINH, MA_NGQLY)

Thực thể yếu

 Chuyển thành một quan hệ cùng tên với loại thực thể yếu, thêm vào loại thực thể yếu thuộc tính khóa của quan hệ chính

